

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ
NĂM HỌC 2024-2025**

I. Tình hình hoạt động; Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu trong năm học 2024 - 2025

1. Quy mô trường, lớp

*** Cơ sở vật chất:**

- Phòng BGH: 01 phòng (3.5m x 6.5m)
- Phòng Kế toán: 01 phòng (3.5m x 6.5m)
- Phòng Y tế: 01 phòng (3.5m x 6.5m)
- Phòng chức năng: 01 phòng (8m x 6m)
- Phòng tin học: 01 phòng (3.5m x 6.5m)
- Nhà ăn: 01 phòng (12m x 8m)
- Nhà bếp: 01 phòng (12m x 8m)
- 01 nhà kho (3.5m x 6.5m)
- Tối đa khai thác được 08 phòng học

*** Các lớp đầu năm học:**

Lớp	Dự kiến đầu năm học 2024 – 2025 (07 lớp)
Nhà trẻ 1 (16-24 tháng)	21 trẻ (02 GV)
Mầm (24 – 36 tháng)	27 trẻ (03 GV)
Chồi 1 (36 – 48 tháng)	23 trẻ (02 GV)
Chồi 2 (48 – 60 tháng)	19 trẻ (02 GV)
Lá 1 (60 – 72 tháng)	21 trẻ (02 GV)
Lá 2 (60 – 72 tháng)	23 trẻ (02 GV)
Lá 3 (60 – 72 tháng)	23 trẻ (02 GV)
Tổng	157 trẻ (15 GV)

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động

Vị trí	Đầu năm học 2024 – 2025
Ban giám hiệu	1
Y tế	1
Văn thư, kế toán	1

Cấp dưỡng	2
Bảo vệ	1
Lao công	1
HĐ nhân sự dạy múa	1
HĐ nhân sự dạy bơi	4
Giáo viên chủ nhiệm	15
GV tiếng Anh	1 GV + 02 hợp đồng
HĐ nhân sự dạy tin học	1
Tổng	28 + 02 hợp đồng

3. Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong năm học trước

- Nhà trường đã tổ chức thành công Hội thi “Bé khỏe – Bé ngoan”, kết quả:

	Nhà trẻ	Mầm	Chồi 1	Chồi 2	Lá 1	Lá 2	Tổng cộng
Tổng số trẻ dự thi	28	34	29	28	19	21	159
Số trẻ đạt "Bé khỏe – Bé ngoan"	21	30	29	26	19	19	144
Số trẻ đạt "Bé khỏe"	6	2		2		1	11
Số trẻ đạt "Bé ngoan"		1					1
Thư khen bé có cố gắng	1	1				1	3

- Kết quả hoạt động chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ:

+ Không có xảy ra trường hợp tai nạn, thương tích trong trường học

+ Kết quả cân, đo, chỉ số cơ thể của trẻ cuối năm học:

Lớp	Số	Chiều cao		Cân nặng				Chỉ số cơ thể			
		Bình thường	Thấp còi	Bình thường	Nhẹ cân mức độ vừa	Thừa cân	Béo phì	Bình thường	Gầy còm, suy dinh dưỡng mức độ vừa	Thừa cân	Béo phì
Nhà trẻ	27	27	1	26	0	2	0	26	0	2	0
Mầm	33	33	1	29	1	3	1	26	1	4	3
Chồi 1	29	29	0	23	1	1	4	25	0	3	1
Chồi 2	28	28	0	21	0	4	3	21	0	4	3
Lá 1	19	19	0	16	0.0	2	1	14	2	0	3

Lá 2	21	21	0	16	1	2	2	13	2	5	1
-------------	----	----	---	----	---	---	---	----	---	---	---

2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu trong năm học 2024 - 2025

- Sứ mạng: Trường thực hiện chức năng của cơ sở giáo dục mầm non và thực hiện chức năng trường thực hành góp phần đào tạo giáo viên mầm non.

- Tầm nhìn: Tiếp tục đẩy mạnh lộ trình về thực hiện tự chủ tài chính, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Đến năm 2030 tự chủ 100%.

- Mục tiêu năm học 2024 – 2025:

+ Chủ đề năm học: “Trường học hạnh phúc – thay đổi tích cực, chuyên nghiệp”.

+ Xây dựng trường học thân thiện, an toàn, hoạt động hiệu quả

+ Chuẩn bị tốt tâm lý cho trẻ 5 tuổi vào học lớp một; Có kỹ năng cơ bản về tiếng Anh, tiền tiểu học, bơi lội, chạy xe đạp, vận động...

+ Phụ huynh tiếp tục ủng hộ, tin tưởng, đồng hành cùng các hoạt động của Trường.

+ Trường THSP MN Hoa Hồng trở thành một trường có uy tín chất lượng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được xã hội và cộng đồng ghi nhận.

II. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Mục tiêu giáo dục mầm non:

- Giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiêu theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Mục tiêu công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ

2.1. Công tác nuôi dưỡng trẻ

2.1.1. Tổ chức ăn bán trú (*Áp dụng quy trình 03 bước, cân chỉnh thực đơn, dinh dưỡng bữa ăn hàng tuần trên phần mềm website theo khuyến cáo của Bộ GD & ĐT. Chú ý đánh dấu các món ăn có thịt bò, tôm theo thông tin trẻ bị dị ứng các món này của phụ huynh cung cấp – nếu có*)

a. Nhà trẻ

- Đảm bảo: Số bữa ăn tại trường: Hai bữa chính và một bữa phụ.

- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25 % đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13-20% năng lượng khẩu phần.

+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30-40 % năng lượng khẩu phần.

+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47-50 % năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8-1,6 lít /trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 930-1000 Kcal
- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày): 600-651 Kcal

b. Mẫu giáo (Khối mầm, Chồi, Lá)

- Số bữa ăn tại trường: Một bữa chính và một bữa phụ
- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Các bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30 - 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15-25% năng lượng cả ngày
- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:
 - + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13-20 % năng lượng khẩu phần.
 - + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25-35 % năng lượng khẩu phần.
 - + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52-60 % năng lượng khẩu phần
 - + Nước uống: Khoảng 1,6-2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn)
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 1230-1320 Kcal
- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày): 615-726 Kcal

2.1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (Khoảng 150 phút)

2.1.3. Tổ chức vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân trẻ trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và các hoạt động ngoài trời.
- Lau mình, vệ sinh cho trẻ bằng nước ấm buổi chiều trước khi trả trẻ.
- Vệ sinh môi trường: Luôn giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, thường xuyên vệ sinh phòng học, đồ dùng đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải đúng nơi quy định.

2.2. Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ và an toàn

- Khám sức khỏe, đánh giá sự phát triển của cân nặng, chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng (giáo viên chú ý tập cho trẻ ăn đa dạng món ăn, động viên trẻ ăn hết suất và có thể tăng cường thêm lượng thức ăn trong suất ăn của trẻ), béo phì (giáo viên chú ý tạo môi trường vận động thêm cho trẻ trong các hoạt động của lớp như: giao việc cho trẻ để trẻ di chuyển nhiều hơn, số lượt thực hành vận động trong các tiết học nhiều hơn các trẻ khác; Trong khẩu phần ăn mỗi bữa của trẻ, các cô chia đồ ăn cho trẻ béo phì, thừa cân thì cô giáo giảm 1 ít lượng thức ăn có nhiều tinh bột, chất béo).

- Phòng tránh các bệnh thường gặp, phối hợp và tuyên truyền đến phụ huynh theo dõi tiêm chủng của trẻ.

- Phối hợp chặt chẽ với trạm y tế phường 6 để kịp thời nắm bắt diễn biến tình hình dịch bệnh ở địa phương và chuyển tiếp các thông tin về chăm sóc sức khỏe từ địa phương đến phụ huynh

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp

3. Mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ

3.1. Mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ nhà trẻ

Ngoài chương trình giáo dục, giáo viên tạo môi trường cho trẻ được tiếp xúc với tiếng Anh một cách tự nhiên (cho trẻ xem các video Gogo học tiếng Anh, video về màu sắc, con vật, số đếm, chữ cái bằng tiếng Anh...)

Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ cho trẻ, lồng ghép vào các hoạt động hàng ngày cho các bé để duy trì thói quen tốt.

Lĩnh vực giáo dục	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
<p>Giáo dục phát triển thể chất</p>	<p>a. Phát triển vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và có chiều cao phát triển phù hợp - Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu. - Các cử động bàn tay, ngón tay. <p>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt. - Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, phát triển phù hợp - Thực hiện các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp như: tay, lưng bụng lườn, chân. - Thể hiện được các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất vận động ban đầu như: đi thẳng người, theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp, đi có mang vật trên tay, đứng co một chân. - Thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay như: tung và bắt bóng cùng cô, ném bóng về phía trước, ném bóng vào đích. - Trẻ biết bò và trườn để thực hiện vận động: bò thẳng hứng và có vật trên lưng, bò chui qua cổng, bò trườn qua vật cản... - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Luyện 1 giấc ngủ trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, bỏ rác đúng nơi quy định - Biết làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe như: tập tự xúc cơm, uống nước, mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, chuẩn bị chỗ ngủ, tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh, tập đi vệ sinh đúng nơi quy định, tập một số thao

<p>Giáo dục phát triển nhận thức</p>	<p>- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</p> <p>a. Luyện tập và phối hợp các giác quan Phát triển thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.</p>	<p>tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn như: biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở - Trẻ nhận biết được một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. <p>Luyện tập và phối hợp các giác quan: thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác qua các trò chơi như: tìm đồ vật vừa mới cất giấu, nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc, sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật, sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi như: tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
	<p>b) Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bộ phận cơ thể của con người. - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ. - Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ. - Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ. - Bản thân và những người gần gũi 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số bộ phận của cơ thể con người như: tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể; mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân - Nhận biết một số con vật, hoa, quả quen thuộc như: tên, đặc điểm nổi bật của các con vật, rau, hoa, quả quen thuộc - Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc như: xe đạp – xe máy, tàu thủy – ca nô, máy bay về tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi - Nhận biết một số màu cơ bản xanh, đỏ, vàng, nhận biết kích thước to – nhỏ, phân biệt phía trên – phía dưới, nhận biết số lượng một và nhiều, nhận biết hình tròn – hình vuông, phân biệt phía trước – phía sau. - Nhận biết được bản thân và người gần gũi như: tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm / lớp, tên và những công việc của những người thân gần gũi trong gia đình, tên của cô giáo,

<p>Giáo dục phát triển ngôn ngữ</p>	<p>a) Nghe Nghe các giọng nói khác nhau. Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản. Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.</p> <p>b) Nói Phát âm các âm khác nhau. Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản. Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.</p> <p>c) Làm quen với sách Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.</p>	<p>các bạn, nhóm / lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói - Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “ như thế nào?” - Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” - Nghe, đọc các bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, kể được truyện ngắn theo tranh, nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, quen thuộc, nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Phát âm các âm khác nhau - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng, kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp, thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài - Trả lời và đặt câu hỏi: “cái gì”, “làm gì”, “ở đâu”, “thế nào”, “tại sao”, “để làm gì”. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Biết cách mở sách, thích thú xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.
<p>Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</p>	<p>a) Phát triển tình cảm - Ý thức về bản thân.</p> <p>- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc</p> <p>b) Phát triển kỹ năng xã hội - Môi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi. - Hành vi văn hóa và thực hiện các</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức về bản thân: nhận biết về tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân, một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình, thực hiện yêu cầu đơn giản của cô - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc như: vui, buồn, tức giận - Giao tiếp với những người xung quanh, chơi thân thiện với bạn, tập sử dụng đồ dùng đồ chơi, quan tâm đến các vật nuôi

<p>quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.</p> <p>c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</p> <p>Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.</p> <p>Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.</p>	<p>- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp</p> <p>- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ, hát và tập vận động đơn giản theo nhạc</p> <p>- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình, xem tranh, (cách cầm bút di màu vẽ nguệch ngoạc).</p>
--	---

3.2. Mục tiêu, nội dung giáo dục mẫu giáo

Năm học 2024-2025 nhà trường chỉ đạo tất cả các lớp lồng ghép ứng dụng giáo dục STEM vào trong chương trình giáo dục mầm non hàng tuần (khuyến khích tối thiểu mỗi tháng 04 hoạt động) phù hợp với đặc điểm của các bé.

Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ, hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non theo tiếp đa văn hóa .

Ngoài chương trình giáo dục, giáo viên tạo môi trường cho trẻ được tiếp xúc với tiếng Anh một cách tự nhiên (cho trẻ xem các video Gogo học tiếng Anh, video về màu sắc, con vật, số đếm, chữ cái bằng tiếng Anh...)

Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ cho trẻ, lồng ghép vào các hoạt động hàng ngày cho các bé để duy trì thói quen tốt.

Giáo viên chú trọng đến việc hướng dẫn cha mẹ chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một.

3.2.1. Mẫu giáo 3 - 4 tuổi (Các mục tiêu thực hiện xuyên suốt được in đậm)

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Lĩnh vực phát triển vận động	
a: Phát triển vận động	
Mục tiêu 1: Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Các động tác phát triển các nhóm cơ và hệ hô hấp. - Hô hấp: hít vào thở ra - Tay: 2 tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên; co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lung, bụng, lườn: Cúi người về trước; quay người sang trái, sang phải; nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: Bước lên phía trước, sang ngang; ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ, co duỗi chân
Mục tiêu 2: Trẻ thực hiện và biết kiểm soát được vận động đi	- Đi theo hướng thẳng tới trường - Đi trong đường hẹp - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo đường zích zắc
Mục tiêu 3: Trẻ thực hiện và kiểm soát được vận động chạy	- Chạy theo hướng thẳng - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. - Chạy trong đường hẹp(3x 0,2m)

Mục tiêu 4: Trẻ biết thực hiện vận động ném	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay.. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay
Mục tiêu 5: Trẻ biết thực hiện khéo léo các vận động bò, và phát triển tố chất vận động ban đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, theo hướng thẳng. - Bò trong đường hẹp - Bò chui qua cổng. - Bò theo đường zích zắc - Bò trong ống dài - Bò cao
Mục tiêu 6: Trẻ biết thực hiện khéo léo các vận động bước, trèo.	<ul style="list-style-type: none"> - Bước lên xuống bục cao 20-30cm - Đi và bước qua vật cản - Trèo thang - Trèo lên bục cao 40- 50cm
Mục tiêu 7: Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể và vận động khéo léo khi thực hiện vận động đi kết hợp mang vật.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát
Mục tiêu 8: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động lăn, tung, đập, bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn bóng bằng 2 tay. - Tung bóng cho cô - Tung bắt bóng với cô bằng 2 tay - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.
Mục tiêu 9: Trẻ biết thực hiện các vận động trườn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn về phía trước. - Trườn chui dưới dây (cách sàn 40cm)
Mục tiêu 10: Trẻ thể hiện sự khéo léo khi thực hiện vận động: đi, bò	<ul style="list-style-type: none"> - Bò theo hướng thẳng lưng mang túi cát - Đi trên ghế thể dục - Đi bước dòn ngang theo vạch thẳng
Mục tiêu 11: Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh trong vận động bật- nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20 - 25 cm.
Mục tiêu 12: Trẻ biết thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong bài tập tổng hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m. - Trườn sấp, trèo ghế - Trườn sấp, chui qua cổng về đích
Mục tiêu 13: Trẻ thực hiện được các vận động như: xoay tròn cổ tay; Gập đan ngón tay vào nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay - Xoa 2 lòng bàn tay vào nhau - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay..
Mục tiêu 14: Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong 1 số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộn dây, luồn dây qua lỗ - Tập giờ sách - Đóng mở nắp chai, lọ, hộp (có ren và không ren) - Xếp chồng 8-10 hình khối không đồ. - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc, vẽ được hình tròn theo mẫu

	- Cài, cởi cúc, kéo khóa, cởi giày, cài quây
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
Mục tiêu 15: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi	- Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7 - 21,2kg. + Trẻ gái: 12,3 - 21,5kg - Chiều cao (cm) : + Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm.
Mục tiêu 16: Trẻ biết thể hiện một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Trẻ biết mời người lớn, mời cô giáo, các bạn trước khi ăn. - Biết phải uống nước đã đun sôi, ăn đồ ăn chín. - Không làm rơi vãi thức ăn, không nô đùa khi ăn.
Mục tiêu 17: Trẻ nói đúng được tên của một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	- Nhận biết tên một số thực phẩm quen thuộc hàng ngày, các thực phẩm theo nhóm (Nhóm bột đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, vi ta min...)
Mục tiêu 18: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày, biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết và gọi tên một số món ăn quen thuộc hàng ngày - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Biết kể tên một số món ăn hàng ngày ở trường, lớp, ở nhà của bé. - Ăn kết hợp nhiều loại thức ăn để khỏe mạnh - Biết được tác dụng của việc ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng
Mục tiêu 19: Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Dạy trẻ nhận biết một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe ví dụ: các đồ ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch, nước lã - Biết tác hại khi ăn, uống những thực phẩm có hại cho sức khỏe.
Mục tiêu 20: Có một số hành vi vệ sinh tốt khi được nhắc nhở	- Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. - Vệ sinh răng miệng. - Nhặt cơm vãi vào nơi quy định.. - Giữ vệ sinh trong khi ăn..
Mục tiêu 21: Trẻ biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- Trẻ biết cách thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh (biết xin cô đi vệ sinh, biết xin cô uống sữa khi đói bụng....)
Mục tiêu 22: Trẻ biết sử dụng 1 số đồ dùng đúng cách.	- Trẻ nhận biết được tên gọi- công dụng một số đồ dùng như bát, thìa, cốc - Trẻ cách sử dụng bát, thìa, cốc ... và 1 số đồ dùng khác phù hợp với nhu cầu bản thân
Mục tiêu 23: Trẻ thực hiện được một số công việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. (rửa tay, lau mặt, cởi	Trẻ thực hiện một số công việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Súc miệng, đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng

quần áo...)	- Tháo tất, cởi quần áo
Mục tiêu 24: Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, phích nước nóng...)	- Dạy trẻ biết được bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn. - Dạy trẻ tránh xa những vật dụng nguy hiểm và không tự ý sử dụng các vật dụng đó.
Mục tiêu 25: Trẻ biết tránh 1 số hành động nguy hiểm khi tham gia giao thông	- Đi đúng phần đường, không qua đường khi không có người giám sát Không nô đùa khi ngồi trên tàu xe Không chơi dưới lòng, lề đường Không tự ý trèo lên các phương tiện giao thông....
Mục tiêu 26: Trẻ biết và phòng tránh những nơi không an toàn	- Dạy trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm khi đến gần. - Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. - Biết cách bảo vệ bản thân khi trời nắng, trời mưa
2. Lĩnh vực Phát triển nhận thức	
a. Khám phá khoa học	
Mục tiêu 27: Trẻ biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	- Trẻ nhận biết tên gọi các giác quan và các bộ phận trên cơ thể - Trẻ nhận biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Trẻ biết bảo vệ, giữ gìn 1 số bộ phận trên cơ thể bé.
Mục tiêu 28: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Hướng dẫn trẻ cách xem sách, tranh ảnh.... - Dạy trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh, video, thực hành trải nghiệm và trò chuyện về đối tượng.
Mục tiêu 29: Trẻ biết được 1 số kiểu nhà quen thuộc và sử dụng đúng cách 1 số đồ dùng trong gia đình	- Trẻ nhận biết được 1 số kiểu nhà, chức năng sử dụng của phòng khách, phòng bếp, phòng ngủ, phòng vệ sinh - Trẻ nhận biết tên gọi và đặc điểm nổi bật của đồ dùng trong gia đình, cách sử dụng, chức năng của chúng
Mục tiêu 30: Trẻ nhận biết được 1 số đặc điểm nổi bật của động vật xung quanh.	- Trẻ biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật quen thuộc. - Biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật.
Mục tiêu 31: Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- So sánh sự khác và giống nhau của đối tượng - Nhận biết và phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật
Mục tiêu 32: Trẻ thích tìm hiểu khám phá và nhận biết được 1 số đặc điểm nổi bật của cây, hoa, quả, rau... xung	- Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc. - Biết mối liên hệ đơn giản giữa các loại thực vật quen thuộc với môi trường sống.

quanh.	- Biết cách chăm sóc và bảo vệ cây, hoa, quả quanh trẻ.
Mục tiêu 33: Trẻ nói được tên và sản phẩm của 1 số nghề quen thuộc khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề. - Một số dụng cụ làm nghề và sản phẩm của nghề như nghề nông, nghề xây dựng,.....
Mục tiêu 34: Trẻ nhận biết được 1 số đặc điểm nổi bật của các phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng của 1 số PTGT quen thuộc. - Biết mối liên hệ đơn giản giữa những PTGT với môi trường và cuộc sống xung quanh.
Mục tiêu 35: Trẻ biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	Đạy trẻ một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Trẻ phân biệt đất, đá, sỏi - Biết giữ gìn vệ sinh và an toàn cơ thể khi chơi với đất, đá, cát, sỏi
Mục tiêu 36: Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối quen thuộc với môi trường sống. - Hiện tượng nắng, mưa; nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối
Mục tiêu 37: Trẻ biết gọi đúng các mùa, đặc điểm của các mùa trong năm.	- Nhận biết tên gọi, đặc điểm đặc trưng của các mùa. Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Đạy trẻ biết ăn mặc theo mùa, biết giữ gìn sức khỏe khi thời tiết thay đổi
Mục tiêu 38: Trẻ biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	Đạy trẻ một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Nhận biết ngày và đêm
Mục tiêu 39: Trẻ biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày và ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối.	- Đạy trẻ một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày và ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối. - Trẻ biết bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước.
Mục tiêu 40: Trẻ có thể tìm hiểu về các đối tượng bằng các cách khác nhau	- Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo - Quan sát, nhận xét đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Đạy trẻ ích lợi (tác hại) của đối tượng.
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.	

<p>Mục tiêu 41: Trẻ có thể nhận biết được về số đếm và số lượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm Trên đối tượng giống nhau và đếm trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. - Nhận biết 1 và nhiều. - Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành các nhóm.
<p>Mục tiêu 42: Trẻ biết nhận biết 1 và nhiều.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ nhận biết số lượng 1 - Dạy trẻ nhận biết 1 và nhiều.
<p>Mục tiêu 43: Trẻ biết xếp tương ứng 1-1,</p>	<p>Xếp tương ứng 1-1</p>
<p>Mục tiêu 44: Trẻ biết ghép đôi.</p>	<p>Trẻ nhận biết đặc điểm giống và khác nhau của đối tượng để ghép đôi</p>
<p>Mục tiêu 45: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp xen kẽ thành cặp những đối tượng có liên quan.
<p>Mục tiêu 46: Trẻ so sánh được 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn- nhỏ hơn, dài hơn- ngắn hơn, cao hơn- thấp hơn, bằng nhau..</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh 2 đối tượng về kích thước - Diễn đạt kết quả 2 đối tượng to hơn- nhỏ hơn, dài hơn- ngắn hơn, cao hơn- thấp hơn, bằng nhau..
<p>Mục tiêu 47: Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình tròn, hình vuông, tam giác, chữ nhật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết gọi tên hình tam giác, nhận dạng hình tam giác theo mẫu. - Nhận biết gọi tên hình vuông, nhận dạng hình vuông theo mẫu - Nhận biết gọi tên hình tròn, nhận dạng hình tròn theo mẫu. - Nhận biết gọi tên hình chữ nhật, nhận dạng hình chữ nhật theo mẫu. - Đặc điểm, hình dáng, màu sắc, chất liệu.
<p>Mục tiêu 48: Trẻ nhận dạng và sử dụng các hình học để chấp ghép..</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ nhận biết các hình - Lấy ra hoặc chỉ các hình có màu sắc khác nhau khi được yêu cầu và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
<p>Mục tiêu 49: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân</p>	<p>Trẻ nhận biết: phía trên - phía dưới; phía trước - phía sau; tay phải – tay trái của bản thân</p>
<p>c. Khám phá xã hội</p>	

Mục tiêu 50: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Trẻ tự giới thiệu: - Một số thông tin cá nhân như: Họ, tên, tuổi, giới tính - Ngày sinh nhật của mình - Sở thích của mình
Mục tiêu 51: Trẻ nói được tên trường / lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên của trường, lớp - Tên cô giáo, các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường - Đặc điểm bên ngoài của cô, của bạn trong lớp - Công việc của các cô, bác trong trường.
Mục tiêu 52: Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình. - Nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
Mục tiêu 53: Trẻ biết kể tên 1 số lễ hội	- Kể tên 1 số lễ hội trong năm: tết Nguyên đán, hội đua thuyền, lễ rước nước ... - Đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước
Mục tiêu 54: Trẻ có 1 số hiểu biết về quê hương, đất nước Việt Nam .	- Tên làng xóm, địa chỉ nơi trẻ sống - Tên thủ đô, quốc kì Việt Nam - Con người, địa điểm, địa danh nổi bật, danh lam thắng cảnh của địa phương, đất nước. - Di tích lịch sử. - Đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hoá, đặc sản vùng miền của quê hương, đất nước
Mục tiêu 55: Trẻ thích nghe, kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Trẻ thích xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng qua bài các bài hát về Bác - Thích đọc thơ, nghe kể chuyện về Bác Hồ
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
Mục tiêu 56: Trẻ có thể thực hiện được yêu cầu đơn giản nghe và hiểu lời nói	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
Mục tiêu 57: Trẻ hiểu được từ khái quát gần gũi đơn giản và phức hợp	- Biết sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tác dụng của các bộ phận trên cơ thể, các từ diễn tả về bản thân và các bạn - Hiểu nghĩa của từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu phức Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ”.
Mục tiêu 58: Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nhìn vào người khác khi họ đang nói. - Không cắt ngang lời khi người khác đang nói. - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Lắng nghe, hoặc nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong.

<p>Mục tiêu 59: Trẻ nói rõ ràng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng của tiếng Việt - Nói rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được - Sử dụng lời nói dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.
<p>Mục tiêu 60: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. - Dạy trẻ bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai?” “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”
<p>Mục tiêu 61: Trẻ có thể kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó, để người nghe có thể hiểu được</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại sự việc theo trình tự - Kể rõ ràng các sự việc đang diễn ra của bản thân - Hiểu và làm theo 1-2 yêu cầu liên tiếp
<p>Mục tiêu 62: Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép trong giao tiếp.
<p>Mục tiêu 63: Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... trong chủ điểm phù hợp với lứa tuổi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bài hơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè, câu đố phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ ca dao đồng dao, tục ngữ, hò vè
<p>Mục tiêu 64: Trẻ nghe và kể lại được truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và hiểu nội dung chuyện kể - Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe - Kể lại truyện theo gợi ý - Trẻ bắt chước được giọng nói của các nhân vật trong truyện.
<p>Mục tiêu 65: Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - Dạy trẻ sử dụng các từ: Vâng ạ, dạ thưa...trong giao tiếp.
<p>Mục tiêu 66: Trẻ biết tự đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện theo ngôn ngữ của trẻ
<p>Mục tiêu 67: Trẻ nhận ra các ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nhà bếp, nơi nguy hiểm bếp ga, nhà bếp, biển báo giao thông.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông) - Ghi nhớ 1 số biển báo giao thông đơn giản
<p>Mục tiêu 68: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi đúng tên nhân vật trong tranh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên nhân vật trong tranh. - Hứng thú với tranh truyện và các nhân vật có trong truyện
<p>Mục tiêu 69: Trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh - Dạy trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt

	<ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc
4. Lĩnh vực tình cảm và kỹ năng xã hội	
<p>Mục tiêu 70: Trẻ biết thực hiện được 1 số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao: xếp đồ chơi, chia giấy vẽ, chia cơm cho bạn.... - Dạy trẻ tính kiên nhẫn, tính tự giác thực hiện công việc khi được giao. - Lắng nghe người khác nói, chờ đến lượt. - Không ngắt lời người khác
<p>Mục tiêu 71: Trẻ thực hiện được 1 số qui định ở lớp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chào hỏi lễ phép với cô giáo, bố mẹ và người khác khi đến nhà/ lớp - Lấy, xếp, cất đồ chơi đúng nơi qui định không tranh giành đồ chơi, vâng lời cô giáo - Không nhận đồ và theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp
<p>Mục tiêu 72: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Đặc điểm bên ngoài. - Sở thích của bản thân.
<p>Mục tiêu 73: Trẻ nói được những điều mình thích, không thích.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tin, mạnh dạn khi nói - Chủ động trong lời nói - Điều chỉnh cường độ giọng nói phù hợp.
<p>Mục tiêu 74: Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động - Thực hiện công việc được giao. - Hoàn thành công việc được giao
<p>Mục tiêu 75: Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ rác đúng nơi quy định, làm công tác vệ sinh môi trường. - Cất đồ chơi đúng nơi ngăn nắp, sắp xếp đồ dùng gọn gàng - Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt...
<p>Mục tiêu 76: Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày. - Nói cảm ơn khi được nhận , cho quà. - Nói xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng cho người khác.
<p>Mục tiêu 77: Trẻ thực hiện được một số quy định giao thông đơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở nơi công cộng như: đi bên phải đường, ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm, không thò đầu, tay chân khi ngồi trên ô tô... Nhận biết được tín hiệu đèn giao thông -Phân biệt hành vi đúng, sai, tốt, xấu.
<p>Mục tiêu 78: Trẻ biết nhận ra cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; qua tranh ảnh - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động
<p>Mục tiêu 79: Trẻ sẵn sàng thực hiện được nhiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Trẻ cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít

vụ đơn giản cùng người khác.	xung đột hoặc không có xung đột. - Chủ động thực hiện nhiệm vụ với người khác.
Mục tiêu 80: Trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp và tự lực.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động. - Mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản khi được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)...
Mục tiêu 81: Trẻ thích thú và quan tâm đến con vật	- Trò chuyện về các con vật yêu thích. Bắt chước hình dáng, tiếng kêu của con vật - Chăm sóc các con vật nuôi (Cho ăn, uống).
Mục tiêu 82: Có một số hành vi đúng với con vật xung quanh	- Không trêu, đánh đập các con vật - Nhận biết được 1 số nguy hiểm có thể xảy đến khi tiếp xúc với 1 số con vật xung quanh như: mèo cào, chó cắn
Mục tiêu 83: Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh, vệ sinh môi trường khi được nhắc nhở	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm đi tất khi trời lạnh, đi giày dép khi ra đất... - Vệ sinh môi trường (vứt rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, ...)
Mục tiêu 84: Trẻ có niềm tự hào, yêu quê hương, đất nước, Bác Hồ.	- Thể hiện niềm tự hào, yêu quê hương, đất nước, Bác Hồ qua bài các bài hát, bài thơ, câu chuyện về chủ đề
Mục tiêu 85: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn, không tranh giành đồ chơi - Nhận biết hành vi đúng - sai, tốt - xấu
5. Lĩnh vực Phát triển phát triển thẩm mỹ	
Mục tiêu 86: Trẻ vui sướng, sờ, chỉ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ tình cảm phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Ngắm nhìn, sờ, chỉ vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Sờ, chỉ trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. - Nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
Mục tiêu 87: Trẻ biết nhận ra giai điệu (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc.	Nghe bản nhạc, bài hát gần gũi và nhận ra bản nhạc là vui hay buồn, nhẹ nhàng hay mạnh mẽ, chậm hay nhanh.
Mục tiêu 88: Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc, đúng giai điệu bài hát.	- Hát đúng lời giai điệu của 1 số bài hát đã được học. - Thể hiện tình cảm, cảm xúc, nét mặt cử chỉ qua bài hát.
Mục tiêu 89: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Vận động theo ý thích khi hát hoặc nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc - Tự tạo ra âm thanh - Vận động và hát theo các bản nhạc,
Mục tiêu 90: Trẻ thể hiện bài hát về các con vật trong chủ đề thế giới động vật.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

Mục tiêu 91: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Thể hiện nét mặt, động tác vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ, đệm theo phách, nhịp. - Dạy trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vận động minh họa)
Mục tiêu 92: Trẻ biết tô màu kín không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ, ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều. - Tô màu không chòem ra ngoài nét vẽ.
Mục tiêu 93: Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	Dạy trẻ các kỹ năng: - Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm.
Mục tiêu 94: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- Dạy trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
Mục tiêu 95: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm, tạo hình theo ý thích	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng thiên nhiên, cuộc sống của các sản phẩm .
Mục tiêu 96: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Bày tỏ ý tưởng của mình khi làm sản phẩm - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
Mục tiêu 97: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình - Đẹp, chưa đẹp và nói được lý do

3.2.2. Mẫu giáo 4-5 tuổi (Các mục tiêu thực hiện xuyên suốt được in đậm)

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Lĩnh vực Phát triển vận động	
a. Phát triển vận động	
Mục tiêu 1: Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Các động tác phát triển các nhóm cơ và hệ hô hấp. - Hô hấp: hít vào thở ra - Tay: 2 tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên; co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay (kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau(phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: Cúi người về trước; quay người sang trái, sang phải; nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: nhúng chân, sang; ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ, đứng lượn từng chân co cao đầu gối
Mục tiêu 2: Trẻ thực hiện và biết kiểm soát được	+ Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.

vận động đi	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.
Mục tiêu 3: Trẻ thực hiện và kiểm soát được vận động chạy	+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m.
Mục tiêu 4: Trẻ biết thực hiện vận động ném, tung, bắt	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
Mục tiêu 5: Trẻ biết thực hiện khéo léo các vận động bò, và phát triển tố chất vận động ban đầu	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.
Mục tiêu 6: Trẻ biết thực hiện khéo léo các vận động bước, trèo.	+ Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang.
Mục tiêu 7: Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể và vận động khéo léo khi thực hiện vận động đi kết hợp mang vật.	- Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát
Mục tiêu 8: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động lăn, tung, đập, bắt bóng.	- Lăn bóng bằng 2 tay. - Tung bóng cho cô - Tung bắt bóng với cô bằng 2 tay - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.
Mục tiêu 9: Trẻ biết thực hiện các vận động trườn.	- Trườn về phía trước. - Trườn chui dưới dây (cách sàn 40cm)
Mục tiêu 10: Trẻ thể hiện sự khéo léo khi thực hiện vận động: đi, bò	- Bò theo hướng thẳng lưng mang túi cát - Đi trên ghế thể dục - Đi bước dòn ngang theo vạch thẳng
Mục tiêu 11: Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh trong vận động bật- nhảy.	Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.
Mục tiêu 12: Trẻ biết thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong bài tập tổng hợp.	- Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m. - Trườn sấp, trèo ghế - Trườn sấp, chui qua cổng về đích
Mục tiêu 13: Trẻ thực hiện được các vận động như: xoay tròn cổ tay; Gập đan ngón tay vào	- Xoay tròn cổ tay - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...

nhau	
Mục tiêu 14: Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong 1 số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
Mục tiêu 15: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Cân nặng: <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ trai: 12,7 - 21,2kg. + Trẻ gái: 12,3 - 21,5kg - Chiều cao (cm) : <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm.
Mục tiêu 16: Trẻ biết thể hiện một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết mời người lớn, mời cô giáo, các bạn trước khi ăn. - Biết phải uống nước đã đun sôi, ăn đồ ăn chín. - Không làm rơi vãi thức ăn, không nô đùa khi ăn.
Mục tiêu 17: Trẻ nói đúng được tên của một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
Mục tiêu 18: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày, biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và gọi tên một số món ăn quen thuộc hàng ngày - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Biết kể tên một số món ăn hàng ngày ở trường, lớp, ở nhà của bé. - Ăn kết hợp nhiều loại thức ăn để khỏe mạnh - Biết được tác dụng của việc ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng
Mục tiêu 19: Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ nhận biết một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe ví dụ: các đồ ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch, nước lã - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
Mục tiêu 20: Có một số hành vi vệ sinh tốt khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.
Mục tiêu 21: Trẻ biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
Mục tiêu 22: Trẻ biết sử dụng 1 số đồ dùng đúng cách.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết được tên gọi- công dụng một số đồ dùng như bát, thìa, cốc - Trẻ cách sử dụng bát, thìa, cốc ... và 1 số đồ

	dùng khác phù hợp với nhu cầu bản thân
Mục tiêu 23: Trẻ thực hiện được một số công việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. (rửa tay, lau mặt, cởi quần áo...)	Trẻ thực hiện một số công việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Súc miệng, đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tháo tất, cởi quần áo
Mục tiêu 24: Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, phích nước nóng...)	- Dạy trẻ biết được bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn. - Dạy trẻ tránh xa những vật dụng nguy hiểm và không tự ý sử dụng các vật dụng đó.
Mục tiêu 25: Trẻ biết tránh 1 số hành động nguy hiểm khi tham gia giao thông	- Đi đúng phần đường, không qua đường khi không có người giám sát Không nô đùa khi ngồi trên tàu xe Không chơi dưới lòng, lề đường Không tự ý trèo lên các phương tiện giao thông....
Mục tiêu 26: Trẻ biết và phòng tránh những nơi không an toàn	- Dạy trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm khi đến gần. - Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. - Biết cách bảo vệ bản thân khi trời nắng, trời mưa
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
a. Khám phá khoa học	
Mục tiêu 27: Trẻ biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
Mục tiêu 28: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Hướng dẫn trẻ cách xem sách, tranh ảnh.... - Dạy trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh, video, thực hành trải nghiệm và trò chuyện về đối tượng.
Mục tiêu 29: Trẻ biết được 1 số kiểu nhà quen thuộc và sử dụng đúng cách 1 số đồ dùng trong gia đình	- Trẻ nhận biết được 1 số kiểu nhà, chức năng sử dụng của phòng khách, phòng bếp, phòng ngủ, phòng vệ sinh - Trẻ nhận biết tên gọi và đặc điểm nổi bật của đồ dùng trong gia đình, cách sử dụng, chức năng của chúng
Mục tiêu 30: Trẻ nhận biết được 1 số đặc điểm nổi bật của động vật xung quanh.	- Trẻ biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật quen thuộc. - Biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật.
Mục tiêu 31: Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- So sánh sự khác và giống nhau của đối tượng - Nhận biết và phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật
Mục tiêu 32: Trẻ thích tìm hiểu khám phá và nhận biết được 1 số đặc điểm nổi bật của cây,	- Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc. - Biết mối liên hệ đơn giản giữa các loại thực vật quen

hoa, quả, rau... xung quanh.	thuộc với môi trường sống. - Biết cách chăm sóc và bảo vệ cây, hoa, quả quanh trẻ.
Mục tiêu 33: Trẻ nói được tên và sản phẩm của 1 số nghề quen thuộc khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề. - Một số dụng cụ làm nghề và sản phẩm của nghề như nghề nông, nghề xây dựng,.....
Mục tiêu 34: Trẻ nhận biết được 1 số đặc điểm nổi bật của các phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng của 1 số PTGT quen thuộc. - Biết mối liên hệ đơn giản giữa những PTGT với môi trường và cuộc sống xung quanh.
Mục tiêu 35: Trẻ biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	Đạy trẻ một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Trẻ phân biệt đất, đá, sỏi - Biết giữ gìn vệ sinh và an toàn cơ thể khi chơi với đất, đá, cát, sỏi
Mục tiêu 36: Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối quen thuộc với môi trường sống. - Hiện tượng nắng, mưa; nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối
Mục tiêu 37: Trẻ biết gọi đúng các mùa, đặc điểm của các mùa trong năm.	- Nhận biết tên gọi, đặc điểm đặc trưng của các mùa. Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Đạy trẻ biết ăn mặc theo mùa, biết giữ gìn sức khỏe khi thời tiết thay đổi
Mục tiêu 38: Trẻ biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	Đạy trẻ một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Nhận biết ngày và đêm
Mục tiêu 39: Trẻ biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày và ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối.	- Đạy trẻ một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày và ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối. - Trẻ biết bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước.
Mục tiêu 40: Trẻ có thể tìm hiểu về các đối tượng bằng các cách khác nhau	- Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo - Quan sát, nhận xét đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Đạy trẻ ích lợi (tác hại) của đối tượng.
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.	
Mục tiêu 41: Trẻ có thể nhận biết được về số đếm và số lượng	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.

Mục tiêu 42: Trẻ biết nhận biết 1 và nhiều.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
Mục tiêu 43: Trẻ biết xếp tương ứng 1-1,	Xếp tương ứng 1-1
Mục tiêu 44: Trẻ biết ghép đôi.	Trẻ nhận biết đặc điểm giống và khác nhau của đối tượng để ghép đôi
Mục tiêu 45: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
Mục tiêu 46: Trẻ so sánh được 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn- nhỏ hơn, dài hơn- ngắn hơn, cao hơn- thấp hơn, bằng nhau..	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
Mục tiêu 47: Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình tròn, hình vuông, tam giác, chữ nhật.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
Mục tiêu 48: Trẻ nhận dạng và sử dụng các hình học để ghép ghép..	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
Mục tiêu 49: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
c. Khám phá xã hội	
Mục tiêu 50: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Trẻ tự giới thiệu: - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
Mục tiêu 51: Trẻ nói được tên trường / lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
Mục tiêu 52: Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
Mục tiêu 53: Trẻ biết kể tên 1 số lễ hội	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
Mục tiêu 54: Trẻ có 1 số hiểu biết về quê hương, đất nước Việt Nam .	- Tên làng xóm, địa chỉ nơi trẻ sống - Tên thủ đô, quốc kì Việt Nam - Con người, địa điểm, địa danh nổi bật, danh lam thắng cảnh của địa phương, đất nước. - Di tích lịch sử. - Đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hoá, đặc sản vùng miền của quê hương, đất nước

Mục tiêu 55: Trẻ thích nghe, kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Trẻ thích xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng qua bài các bài hát về Bác - Thích đọc thơ, nghe kể chuyện về Bác Hồ
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
Mục tiêu 56: Trẻ có thể thực hiện được yêu cầu đơn giản nghe và hiểu lời nói	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.
Mục tiêu 57: Trẻ hiểu được từ khái quát gần gũi đơn giản và phức hợp	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
Mục tiêu 58: Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
Mục tiêu 59: Trẻ nói rõ ràng.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
Mục tiêu 60: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Dạy trẻ sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. - Dạy trẻ bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu
Mục tiêu 61: Trẻ có thể kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó, để người nghe có thể hiểu được	- Kể lại sự việc theo trình tự - Kể rõ ràng các sự việc đang diễn ra của bản thân - Hiểu và làm theo 1-2 yêu cầu liên tiếp
Mục tiêu 62: Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Dạy trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép trong giao tiếp.
Mục tiêu 63: Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... trong chủ điểm phù hợp với lứa tuổi	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè, câu đố phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ ca dao đồng dao, tục ngữ, hò vè
Mục tiêu 64: Trẻ nghe và kể lại được truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	- Nghe và hiểu nội dung chuyện kể - Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe - Kể lại truyện theo gợi ý - Trẻ bắt chước được giọng nói của các nhân vật trong truyện.
Mục tiêu 65: Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - Dạy trẻ sử dụng các từ: Vâng ạ, dạ thưa...trong giao tiếp.
Mục tiêu 66: Trẻ biết tự đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cảm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện theo ngôn ngữ của trẻ
Mục tiêu 67: Trẻ nhận ra các ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nhà bếp, nơi nguy hiểm	- Làm quen một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông)

bếp ga, nhà bếp, biển báo giao thông.	- Ghi nhớ 1 số biển báo giao thông đơn giản
Mục tiêu 68: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi đúng tên nhân vật trong tranh.	- Gọi tên nhân vật trong tranh. - Hứng thú với tranh truyện và các nhân vật có trong truyện
Mục tiêu 69: Trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
4. Lĩnh vực tình cảm và kỹ năng xã hội	
Mục tiêu 70: Trẻ biết thực hiện được 1 số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác.
Mục tiêu 71: Trẻ thực hiện được 1 số qui định ở lớp	- Trẻ chào hỏi lễ phép với cô giáo, bố mẹ và người khác khi đến nhà/ lớp - Lấy, xếp, cất đồ chơi đúng nơi qui định không tranh giành đồ chơi, vâng lời cô giáo - Không nhận đồ và theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp
Mục tiêu 72: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân.
Mục tiêu 73: Trẻ nói được những điều mình thích, không thích.	- Tự tin, mạnh dạn khi nói - Chủ động trong lời nói - Điều chỉnh cường độ giọng nói phù hợp.
Mục tiêu 74: Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động - Thực hiện công việc được giao. - Hoàn thành công việc được giao
Mục tiêu 75: Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường	- Bỏ rác đúng nơi quy định, làm công tác vệ sinh môi trường. - Cất đồ chơi đúng nơi ngăn nắp, sắp xếp đồ dùng gọn gàng - Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt...
Mục tiêu 76: Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày. - Nói cảm ơn khi được nhận , cho quà. - Nói xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng cho người khác.
Mục tiêu 77: Trẻ thực hiện được một số quy định	- Một số quy định ở nơi công cộng như: đi bên phải đường, ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm, không

giao thông đơn giản.	thò đầu, tay chân khi ngồi trên ô tô... Nhận biết được tín hiệu đèn giao thông -Phân biệt hành vi đúng, sai, tốt, xấu.
Mục tiêu 78: Trẻ biết nhận ra cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	-Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; qua tranh ảnh - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động
Mục tiêu 79: Trẻ sẵn sàng thực hiện được nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Trẻ cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột. - Chủ động thực hiện nhiệm vụ với người khác.
Mục tiêu 80: Trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp và tự lực.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động. - Mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản khi được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)...
Mục tiêu 81: Trẻ thích thú và quan tâm đến con vật	- Trò chuyện về các con vật yêu thích. Bắt chước hình dáng, tiếng kêu của con vật - Chăm sóc các con vật nuôi (Cho ăn, uống).
Mục tiêu 82: Có một số hành vi đúng với con vật xung quanh	- Không trêu, đánh đập các con vật - Nhận biết được 1 số nguy hiểm có thể xảy đến khi tiếp xúc với 1 số con vật xung quanh như: mèo cào, chó cắn
Mục tiêu 83: Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh, vệ sinh môi trường khi được nhắc nhở	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm đi tắt khi trời lạnh, đi giày dép khi ra đất... - Vệ sinh môi trường (vứt rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, ...)
Mục tiêu 84: Trẻ có niềm tự hào, yêu quê hương, đất nước, Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
Mục tiêu 85: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn, không tranh giành đồ chơi - Nhận biết hành vi đúng - sai, tốt - xấu
5. Lĩnh vực Phát triển phát triển thẩm mỹ	
Mục tiêu 86: Trẻ vui sướng, sờ, chỉ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Ngắm nhìn, sờ, chỉ vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Sờ, chỉ trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. - Nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
Mục tiêu 87: Trẻ biết nhận ra giai điệu (vui, buồn,	Nghe bản nhạc, bài hát gần gũi và nhận ra bản nhạc là vui hay buồn, nhẹ nhàng hay mạnh mẽ, chậm hay

êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc.	nhanh.
Mục tiêu 88: Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc, đúng giai điệu bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
Mục tiêu 89: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
Mục tiêu 90: Trẻ thể hiện bài hát về các con vật trong chủ đề thế giới động vật.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
Mục tiêu 91: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Thể hiện nét mặt, động tác vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ, đệm theo phách, nhịp. - Dạy trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vận động minh họa)
Mục tiêu 92: Trẻ biết tô màu kín không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ, ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều. - Tô màu không chòem ra ngoài nét vẽ.
Mục tiêu 93: Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	Dạy trẻ các kỹ năng: - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
Mục tiêu 94: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
Mục tiêu 95: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm, tạo hình theo ý thích	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
Mục tiêu 96: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Bày tỏ ý tưởng của mình khi làm sản phẩm - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
Mục tiêu 97: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.

3.2.3. Mẫu giáo 5-6 tuổi

Mục tiêu	Nội dung
I. Lĩnh vực phát triển thể chất	
a) Phát triển vận động:	
MT1: Trẻ thực hiện được đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	-Tập các động tác phát triển các động tác phát triển các nhóm cơ, lưng, bụng, lườn, chân.
MT2: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển phù hợp theo lứa tuổi	Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển phù hợp theo lứa tuổi

<p>MT3: Trẻ thực hiện được các vận động, phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay - Gập mở lần lượt từng ngón tay - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12- 15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tụ cài , cời cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động của bàn tay , ngón tay, cổ tay. - Bẻ, nắn -Lắp ráp. - Xé cắt đường vòng cung - Tô đồ theo nét - Cài, cời cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây.
<p>MT4: Bật, nhảy xuống được từ độ cao 40cm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật xa 40-50 cm - Bật qua vật cản 10-20 cm - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô Bật, nhảy từ trên cao xuống 40-50cm(bật sâu 40cm) - Nhảy lò cò 5m.
<p>MT5. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động đi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng mép ngoài bàn chân khoảng 4m. - Đi nổi bàn chân tiến lùi. - Đi trên dây - Đi trên ghế thể dục - Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục
<p>MT6: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy theo hướng thẳng - Chạy theo đường zig zắc - Chạy chậm khoảng 120m -150m - Chạy 18m trong khoảng 10 giây
<p>MT7: Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung, đập và bắt bóng nảy 4-5 lần - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng(xa 2m xcao 1,5m) - Ném trúng đích nằm ngang - Ném bóng vào giỏ - Trèo lên xuống ghế 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và đập bắt bóng - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Đi đập bắt và bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 ,2 tay. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Tung đập, bắt bóng tại chỗ - Bắt và ném bóng với người đối diện khoảng cách 4m. - Bò zig zắc qua 7 điểm. - Bò bằng bàn tay , bàn chân 4- 5 m
<p>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>	
<p>MT8: Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt cá... -Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
<p>MT9: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể rán, kho, gạo nấu cơm, cháo... 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
<p>MT10: Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi

<p>chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh, uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</p>	<p>của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p>
<p>MT11: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản. Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p>	<p>- Tập luyện kỹ năng: Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p>
<p>MT12: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.</p>	<p>- Tự xúc cơm ăn gọn gang, tự xới cơm, chan canh vào bát. Biết lấy cốc rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài.</p>
<p>MT13: Trẻ thực hiện được một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống. - Mời cô, bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.</p>	<p>- Mời cô, bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu, bia, cà phê, không tốt cho sức khỏe khi hút thuốc lá.</p>
<p>MT14: Trẻ biết được một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh. - Vệ sinh răng, miệng: Sau khi ăn và trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp.</p>	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Vệ sinh răng, miệng: Sau khi ăn và trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp.</p>
<p>MT15: Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn, ao, bể chứa nước, giếng, bụi dậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.</p>	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động gây nguy hiểm, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p>
<p>MT16: Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Cháy, có người rơi xuống nước, khi người lạ bế ra khỏi nhà.</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn / người rơi xuống nước, ngã</p>

	<p>chảy máu...</p> <p>Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. <p>Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>
MT17: Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:	<ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
a. Khám phá khoa học	
MT18: Phân loại được một số đối tượng theo 2-3 dấu hiệu cho trước. tìm ra dấu hiệu phân loại	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu.
MT19. Trẻ biết giải quyết được vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
MT20: Trẻ biết tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng:” tại sao có mưa”?”Đề làm gì? Làm thế nào? Khi nào?	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây cối.
MT21: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên đặc điểm, lợi ích và tác hại của cây, con vật, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1 số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật... theo 2-3 dấu hiệu.
MT22: Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và 1 số hiện tượng tự nhiên.	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển của cây, con vật điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.

MT 23: Nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm
MT24: Trẻ biết phân loại các đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Các nguồn nước và môi trường sống. - Không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó với đời sống con người, con vật, cây. - Nhận biết đèn tín hiệu, biển báo giao thông.
MT25: Trẻ dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra.	- Một số hiện tượng thiên nhiên - Quan sát và đoán hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.
MT26: Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân-kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	- Làm thử nghiệm và sử dụng các công cụ đơn giản để quan sát so sánh và dự đoán. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.
MT27: Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
MT28: Trẻ biết loại bỏ được một đối tượng không cùng nhóm với đối tượng còn lại.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
MT29: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động: thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện... mô phỏng vận động/di chuyển/dáng điệu của con vật.	- Chơi qua hoạt động góc, qua các trò chơi vận động.
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT30: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT31: Có biểu tượng về số trong phạm vi 10, thêm bớt trong phạm vi 10.	- Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. So sánh số lượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói kết quả.
MT32: Trẻ biết gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	- Gộp, tách một nhóm thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau và so sánh số lượng của 2 nhóm.
MT33: Trẻ nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại...)
M34: Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả đo.	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT35: Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau và khác nhau giữa 2 khối cầu và	- Nhận biết gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó

khối trụ, khối vuông và khối chức nhật.	trong thực tế. -Nhận biết, phân biệt khối vuông, khối chữ nhật; khối cầu, khối trụ.
MT36: Trẻ biết xác định được vị trí (trong, ngoài, trên , dưới, trước , sau, phải, trái) của 1 vật so với vật khác.	- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên , dưới, trước , sau, phải, trái) của 1 vật so với bản thân trẻ, bạn khác, vật khác, đối tượng khác.
MT37: Trẻ biết so sánh và sử dụng được các từ: To nhất- nhỏ hơn- nhỏ nhất, cao nhất- thấp hơn- thấp nhất, rộng nhất- hẹp hơn- hẹp nhất, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.	So sánh 3 nhóm đối tượng có kích thước khác nhau và sử dụng được các từ: To nhất- nhỏ hơn- nhỏ nhất, cao nhất- thấp hơn- thấp nhất, rộng nhất- hẹp hơn- hẹp nhất, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.
MT38: Trẻ biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	-Nhận biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai.
MT39: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.	-Trẻ nhận biết được ngày trên lịch trong tuần/ tháng và giờ chẵn trên đồng hồ.
MT40: Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
MT41: Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp
c. Khám phá xã hội	
MT42: Trẻ biết nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT 43: Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	-Nhận ra được một số hành vi cần có, sở thích có thể khác nhau giữa bạn trai và bạn gái. -Thể hiện các hành vi ứng xử phù hợp
MT44: Trẻ nói được tên, tuổi, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình - Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình - Quy mô gia đình, gia đình nhỏ, gia đình lớn. - Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT45: Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	-Các hoạt động, công việc của các cô các bác trong trường.
MT46: Trẻ nói được địa chỉ gia đình: thôn, xóm, số điện thoại nếu có khi được hỏi, trò chuyện.	-Địa chỉ gia đình: thôn, xóm, số điện thoại nếu có khi được hỏi, trò chuyện.
MT47: Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ, những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. -Các hoạt động của trẻ ở trường.
MT48: Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp.
MT49: Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Tên gọi của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. -Kể được một số công cụ sản phẩm của các nghề

MT50: Trẻ kể được một vài nét đặc trưng về danh lam thắng cảnh của địa phương và quê hương đất nước. đi chơi công viên...	- Tên gọi đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam , thắng cảnh của địa phương, quê hương đất nước.
MT51: Trẻ kể được, một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	-Tên gọi các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. -Kể được một số công cụ sản phẩm của nghề.
MT52: Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	-Công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT53: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương, quê hương đất nước.
MT 54: Trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...	- Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
a. Nghe	
MT55: Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
MT56: Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái.	- Nghe, hiểu lời nói yêu cầu của người khác và phản hồi lại bằng những hành động lời nói phù hợp trong hoạt động tập thể.
MT57: Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi : Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng, đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập.	- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp. -Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
MT58: Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự vật, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. -Kể lại sự việc theo trình tự.
MT59: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân so sánh, tại sao, có cái gì giống nhau, do đâu mà có.
b. Nói	
MT60: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hành động.	- Trao đổi bằng lời nói để thống nhất các đề xuất trong cuộc chơi với bạn. -Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết 1 vấn đề nào đó.
MT61: Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Bắt chuyện với bạn bè và người lớn bằng nhiều cách khác nhau. -Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển
MT62: Trẻ biết dùng câu đơn ,câu ghép,	- Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản

câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
MT63: Trẻ biết miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách trạng thái... của nhân vật.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự.
b. Làm quen với đọc, viết.	
MT64: Trẻ hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ	- Nói được tên, hành động của nhân vật, tình huống trong câu chuyện. - Kể lại được nội dung chính các câu chuyện mà trẻ đã được nghe hoặc vẽ lại các tình huống nhân vật trong câu chuyện phù hợp với nội dung câu chuyện. - Nói được tính cách của nhân vật, đánh giá được hành động.
MT65: Trẻ nhận dạng được các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái và phát âm được chữ cái đó. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
MT66: Trẻ biết đọc diễn cảm các bài, đồng dao, ca dao, thơ dành cho lứa tuổi của trẻ	- Đọc thuộc, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT67: Trẻ có thể thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung chuyện.	- Trẻ kể được chuyện sáng tạo.
MT68: Đón được vai của nhân vật trong chuyện	- Trẻ biết đóng kịch.
MT69: Trẻ biết sử dụng các từ “cảm ơn”, “xin lỗi”, “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng”, ... phù hợp với tình huống.	- Làm quen với các từ lễ phép “cảm ơn”, “xin lỗi”, “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng”.. - Sử dụng các từ lễ phép văn minh phù hợp với tình huống.
MT70: Trẻ biết điều chỉnh giọng phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.	- Điều chỉnh giọng phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp: nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác đang tập trung làm việc, khi đi thăm người ốm, nói thầm với bạn, bố, mẹ... Khi trong rạp hát, đi xem phim công cộng.
MT71: Chọn sách để “đọc” và xem	- Trẻ biết xem và đọc các loại sách khác nhau.
MT72: Trẻ biết kể chuyện theo minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Đóng kịch
MT73: Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách.
MT74: Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy

– vào, cắm lửa, biển báo giao thông...	hiêm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ ...)
MT75: Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. -Hướng viết các nét chữ.
MT76: Biết “viết chữ” theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	- Làm quen với cách viết tiếng việt. - Hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	
MT77: Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Trẻ biết tôn trọng , hợp tác, chấp nhận.
MT78: Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn, biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn	- Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. - Bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bạn - Bảo vệ bạn khi bị người khác bắt lạt.
MT79: Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường: không xả rác bừa, biết bỏ rác đúng nơi quy định không bẻ cành, hái hoa...	- Giữ gìn vệ sinh môi trường không vứt rác bừa bãi.Nhắc nhở bạn thực hiện hành vi bảo vệ môi trường.
MT80: Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.(bản thân và gia đình)
MT81: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.
MT82: Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn, dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng.	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
MT83: Trẻ biết mình là con / cháu / anh / chị / em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình.
MT84: Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
MT85: Trẻ biết chủ động tự làm một số việc đơn giản hàng ngày: Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi.	- Chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày: Rửa mặt, lau mặt. lấy cát đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định...
MT86: Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Hoàn thành công việc được giao.(trực nhật , xếp dọn đồ chơi)...
MT87: Trẻ nhận xét được một số trạng thái, cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, xấu hổ, ngạc nhiên qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận ra trạng thái cảm xúc của người khác trong tình huống giao tiếp.
MT88: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ..qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau
MT89: Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Trẻ biết quan tâm giúp đỡ bạn.
MT90: Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ	- Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với

và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ: Chỗ ở, nơi làm việc.	hoạt động của Bác Hồ.
MT91: Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Trẻ biết kính yêu Bác Hồ.
MT92: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống: trang phục, món ăn của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT93: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình, nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, ngủ, đi bên phải lề đường).
MT94: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự.
MT95: Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động, không chen lấn, xô đẩy bạn. - Xếp hàng ngay ngắn khi thể dục. - Không chạy từ hàng này sang hàng kia khi tập thể dục.
MT96: Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt; tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
MT97: Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.	- Dạy trẻ bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.
MT98: Trẻ nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.	- Nhận diện các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.
V. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT99: Trẻ hát đúng giai điệu bài hát trẻ em	- Hát đúng giai điệu, lời ca, diễn cảm phù hợp với sắc thái tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...
MT100: Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức: vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc với các hình thức: vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa.
MT101: Trẻ tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cầm bút, màu đúng cách - Biết cách tô màu Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ.
MT102: Trẻ biết một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình. (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình)	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Vẽ phối hợp các nét xiên, nét ngang, nét thẳng cong tròn để tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. - Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...

	- Dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục đơn giản...
MT103: Trẻ nhận ra giai điệu(vui, buồn, êm dịu)của bài hát hoặc bản nhạc.	-Nghe và nhận ra sắc thái(vui, buồn, tình cảm tha thiết, của bài hát, bản nhạc. -Nghe các loại nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi, dân ca, cổ điển)
MT104: Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc: hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.
MT105: Trẻ biết cách gõ đệm dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	-Sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhanh, chậm, phối hợp) với bài hát,bản nhạc một cách phù hợp.
MT106: Trẻ biết phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm tạo hình các có bố cục cân đối, màu sắc hài hòa.	- Phối hợp kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục.
MT107: Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn, xé dán để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có hình dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
MT108: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. -Trẻ biết cách nhận xét các sản phẩm tạo hình về bố cục, nội dung, màu sắc, hình dáng.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT109: Trẻ biết giữ gìn sản phẩm của mình và của bạn.	- Giữ gìn sản phẩm của mình và của bạn.

4. Các chuyên đề/chương trình/nội dung giáo dục chuyên sâu ngày lễ ngày hội và Hội thi (Tùy theo tình hình đặc điểm của các lớp, giáo viên linh hoạt tổ chức phù hợp)

TT	Tên chuyên đề/chương trình/nội dung giáo dục chuyên sâu ngày lễ ngày hội và Hội thi.	Thực hiện	Thời gian
1	Ngày Hội bé vui đến trường	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, trẻ	Tháng 9/2024
2	Bé vui Trung thu	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, trẻ	Tháng 9/2024
3	Mừng Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ	Tháng 10/2024
4	Mừng Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ	Tháng 11/2024
5	Chào mừng ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ	Tháng 12/2024
6	Mừng Đảng – Mừng Xuân	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, trẻ	Tháng 01 và tháng 02/2025
7	Mừng Ngày quốc tế phụ nữ 08/03.	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ	Tháng 03/2025
8	Hội thi Bé khỏe – Bé ngoan		Tháng 4/2025

9	Mừng Ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất Đất nước; ngày Quốc tế Lao Động	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, trẻ	Tháng 4 và tháng 5/2025
10	Ngày sinh nhật bác 19/05 (thăm khu di tích lịch sử Nguyễn Sinh Sắc	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, trẻ	Tháng 5/2025
11	Trải nghiệm (Trường tiểu học, thư viện tỉnh)	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, trẻ	Tháng 5/2025
12	Tổng kết năm học và mừng Tết Thiếu nhi 01/06.	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, trẻ	Tháng 5 và tháng 6/2025

5. Kế hoạch thực hiện chủ đề/tháng

5.1. Đối với nhà trẻ

Mỗi chủ đề lớn thực hiện từ 2 - 4 tuần. Mỗi chủ đề nhánh thực hiện từ 1 - 2 tuần. 10 chủ đề lớn thiết kế cho 35 tuần/ 1 năm học, có thể căn cứ vào chất lượng trên trẻ để điều chỉnh tăng hoặc giảm số tuần thực hiện của từng chủ đề theo dự kiến nhưng tổng số thực hiện 10 chủ đề lớn trong năm học không quá 35 tuần

Tuần 1: Ổn định nề nếp

Thời gian thực hiện từ ngày: 6/9/2024

1/ Chủ đề Bé và các bạn: Thời gian thực hiện 3 tuần:

- Chủ đề nhánh: **Ổn định nề nếp.** 06/09/2024
- Chủ đề nhánh: **Bé biết nhiều thứ** Từ ngày 09/09 – 13/09/2024
- Chủ đề nhánh: **Các bạn của bé ở lớp** Từ ngày 16/09 – 20/09/2024

2/ Chủ đề Đồ chơi của bé: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Những Đ/C quen thuộc gần gũi** Từ ngày 23/09 - 27/09/2024
- Chủ đề nhánh: **Những Đ/C bé thích** Từ ngày 30/09 – 04/10 /2024
- Chủ đề nhánh: **Đ/C lắp ghép xây dựng và C/động** Từ ngày 07/10– 11/10 /2024.

3/ Chủ đề Mẹ và những người thân yêu của bé: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Người thân của bé.** Từ ngày 14/10 - 18/10/2024
- Chủ đề nhánh: **Đồ dùng gia đình bé (2 tuần).** Từ ngày 21/10 - 01/11/2024
- Chủ đề nhánh: **Đồ dùng của bé** Từ ngày 04/11 - 08/11/2024

4/ Chủ đề Các cô các bác trong trường mầm non: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Các cô các bác trong nhóm trẻ của bé.** Từ ngày 11/11 - 15/11/2024
- Chủ đề nhánh: **Cô giáo là mẹ hiền.** Từ ngày 18/11 - 22/11/2024
- Chủ đề nhánh: **CV của các bác các cô trong nhà trẻ.** Từ ngày 25/11 - 29/11/2024
- Chủ đề nhánh: **CV của các bác các cô trong trường Mầm non.** Từ ngày 02/12 - 06/12/2024

5/ Chủ đề Những con vật ngộ nghĩnh đáng yêu: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Những con vật sống trong GD.** Từ ngày 09/12 - 13/12/2024
- Chủ đề nhánh: **Những con vật sống dưới nước.** Từ ngày 16/12 - 20/12/2024
- Chủ đề nhánh: **Những con vật sống trong rừng.** Từ ngày 23/12 - 27/12/2024

6/ Chủ đề Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì?: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: **PTGT đường bộ** Từ ngày 30/12 – 03/01/2025
- Chủ đề nhánh: **PTGT đường sắt.** Từ ngày 06/01 – 10/01/2025
- Chủ đề nhánh: **PTGT đường thủy** Từ ngày 13/01 – 17/01/2025
- Chủ đề nhánh: **PTGT đường hàng không.** Từ ngày 20/01 – 24/01/2025

7/ Chủ đề Tết mùa xuân: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Hoa, quả ngày Tết** Từ ngày 03/02 – 07/02/2025
- Chủ đề nhánh: **Ngày tết với bé** Từ ngày 10/02 – 14/02/2025
- Chủ đề nhánh: **Mùa xuân** Từ ngày 17/02 – 21/02/2025

8/ Chủ đề Thế giới thực vật: Thời gian thực hiện: 5 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Em yêu cây xanh** Từ ngày 24/02 – 28/02/2025
- Chủ đề nhánh: **Một số loại hoa** Từ ngày 03/03 – 07/03/2025
- Chủ đề nhánh: **Một số loại quả(2 tuần).** Từ ngày 10/3– 21/03/2025
- Chủ đề nhánh: **Một số loại rau.** Từ ngày 24/3 – 28/03/2025

9/ Chủ đề Mùa hè với bé: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Thời tiết với bé.** Từ ngày 31/03– 04/04/2025
- Chủ đề nhánh: **Trang phục mùa hè (2 tuần).** Từ ngày 07/04 – 18/04/2025
- Chủ đề nhánh: **Bé làm gì trong mùa hè.** Từ ngày 21/04 – 25/04/2025

10/ Chủ đề Bé lên mẫu giáo: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Lớp học của bé (2 tuần).** Từ ngày 28/04 – 09/05/2025
- Chủ đề nhánh: **Bé lên mẫu giáo.** Từ ngày 12/05 – 16/05/2025

5.2. Đối với mẫu giáo

5.2.1. Khối Mẫu giáo 3-4 tuổi

Mỗi chủ đề lớn thực hiện từ 2 - 4 tuần. Mỗi chủ đề nhánh thực hiện từ 1 - 2 tuần. 10 chủ đề lớn thiết kế cho 35 tuần/ 1 năm học, có thể căn cứ vào chất lượng trên trẻ để điều chỉnh tăng hoặc giảm số tuần thực hiện của từng chủ đề theo dự kiến nhưng tổng số thực hiện 10 chủ đề lớn trong năm học không quá 35 tuần.

Tuần 1: Ổn định nề nếp

Thời gian thực hiện từ ngày: 6/9/2024

1/ Chủ đề Trường mầm non: Thời gian thực hiện 3 tuần:

- Chủ đề nhánh: **Lớp học của bé.** Từ ngày 09 – 13/9/2024.

- Chủ đề nhánh: *Tết trung thu* Từ ngày 16 – 20/9/2024
- Chủ đề nhánh: *Trường Mầm Non thân yêu* Từ ngày 23 – 27/9/2024

2/ Chủ đề bản thân: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Tôi là ai?* Từ ngày 30/09 – 04/10/2024
- Chủ đề nhánh: *Cơ thể tôi.* Từ ngày 07/10 – 11/10/2024
- Chủ đề nhánh: *Tôi cần gì lớn lên và khoẻ mạnh.* Từ ngày 14/10 – 18/10/2024

3/ Chủ đề gia đình: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Gia đình tôi.* Từ ngày 21/10 – 25/10/2024
- Chủ đề nhánh: *Gia đình sống chung 1 ngôi nhà.* Từ ngày 28/10 – 01/11/2024
- Chủ đề nhánh: *Đồ dùng gia đình* Từ ngày 04/11 – 08/11/2024
- Chủ đề nhánh: *Nhu cầu gia đình* Từ ngày 11/11 – 15/11/2024

4/ Chủ đề nghề nghiệp: Thời gian thực hiện: 6 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Ngày nhà giáo việt nam 20/11.* Từ ngày 18/11 – 22/11/2024
- Chủ đề nhánh: *Nghề sản xuất (2 tuần).* Từ ngày 25/11 – 06/12/2024
- Chủ đề nhánh: *Một số nghề dịch vụ.* Từ ngày 9/12 – 13/12/2024
- Chủ đề nhánh: *Một số nghề phổ biến quen thuộc.* Từ ngày 16/12 – 20/12/2024
- Chủ đề nhánh: *Ngày thành lập quân đội nhân dân.* Từ ngày 23/12 – 27/12/2024

5/ Chủ đề Động vật: Thời gian thực hiện: 5 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Động vật nuôi trong gia đình.* Từ ngày 30/12- 03/01/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số động vật sống dưới nước.* Từ ngày 06/1 – 10/1/2025
- Chủ đề nhánh: *Động vật sống trong rừng.* Từ ngày 13/1 – 17/1/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loài chim - côn trùng.* Từ ngày 20/1 – 24/1/2025
(Nghỉ tết từ ngày 28/1 đến 2/2/2025)

6/ Chủ đề Tết và mùa xuân: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Tết Nguyên Đán (1 tuần).* Từ ngày 03/2 – 07/02 /2025
- Chủ đề nhánh: *Mùa xuân (2 tuần) .* Từ ngày 10/2– 21/02/2025

7/ Chủ đề Thế giới thực vật: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Cây xanh.* Từ ngày 24/02 – 28/02/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại hoa – Ngày vui 8/3* Từ ngày 03/03 – 07/03/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại quả.* Từ ngày 10/03 – 14/03/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại rau.* Từ ngày 17/03 – 21/03/2025

8/ Chủ đề Giao thông: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Bé làm quen với luật lệ.* Từ ngày 24/03 – 28/03/2025
- Chủ đề nhánh: *Phương tiện giao thông đường bộ.* Từ ngày 31/03 – 04/4/2025

- Chủ đề nhánh: **Một số phương tiện giao thông khác.** Từ ngày 07/04- 11/04/2025

9/ Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên: Thời gian thực hiện: 2 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Nước.** Từ ngày 14/04 – 18/04/2025
- Chủ đề nhánh: **Hiện tượng tự nhiên.** Từ ngày 21/04 – 25/04/2025

10/ Chủ đề Quê hương – Đất nước – Bác Hồ: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Quê hương.** Từ ngày 28/04– 02/05/2025
- Chủ đề nhánh: **Đất nước.** Từ ngày 05/05 – 09/05/2025

Chủ đề nhánh: **Bác Hồ kính yêu.** Từ ngày 12/5 - 16/5/2025

5.2.2. Khối Mẫu giáo 4-5 tuổi

Mỗi chủ đề lớn thực hiện từ 2 - 4 tuần. Mỗi chủ đề nhánh thực hiện từ 1 - 2 tuần. 10 chủ đề lớn thiết kế cho 35 tuần/ 1năm học, có thể căn cứ vào chất lượng trên trẻ để điều chỉnh tăng hoặc giảm số tuần thực hiện của từng chủ đề theo dự kiến nhưng tổng số thực hiện 10 chủ đề lớn trong năm học không quá 35 tuần

Tuần 1: Ổn định nề nếp

Thời gian thực hiện từ ngày: 6/9/2024

1/ Chủ đề Trường mầm non: Thời gian thực hiện 3 tuần:

- Chủ đề nhánh: **Lớp học 4 tuổi của bé.** Từ ngày 09 – 13/9/2024.
- Chủ đề nhánh: **Vui Tết trung thu** Từ ngày 16 – 20/9/2024
- Chủ đề nhánh: **Trường Mầm Non của bé** Từ ngày 23 – 27/9/2024

2/ Chủ đề bản thân: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Tôi là ai?** Từ ngày 30/09 – 04/10/2024
- Chủ đề nhánh: **Cơ thể tôi.** Từ ngày 07/10 – 11/10/2024
- Chủ đề nhánh: **Tôi cần gì lớn lên và khoẻ mạnh.** Từ ngày 14/10 – 18/10/2024

3/ Chủ đề gia đình: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Gia đình tôi.** Từ ngày 21/10 – 25/10/2024
- Chủ đề nhánh: **Gia đình sống chung 1 ngôi nhà.** Từ ngày 28/10 – 01/11/2024
- Chủ đề nhánh: **Đồ dùng gia đình** Từ ngày 04/11 – 08/11/2024
- Chủ đề nhánh: **Nhu cầu gia đình** Từ ngày 11/11 – 15/11/2024

4/ Chủ đề nghề nghiệp: Thời gian thực hiện: 6 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Ngày nhà giáo việt nam 20/11.** Từ ngày 18/11 – 22/11/2024
- Chủ đề nhánh: **Nghề sản xuất (2 tuần).** Từ ngày 25/11 – 06/12/2024
- Chủ đề nhánh: **Một số nghề dịch vụ.** Từ ngày 9/12 – 13/12/2024
- Chủ đề nhánh: **Một số nghề phổ biến quen thuộc.** Từ ngày 16/12 – 20/12/2024
- Chủ đề nhánh: **Ngày thành lập quân đội nhân dân.** Từ ngày 23/12 – 27/12/2024

5/ Chủ đề Động vật: Thời gian thực hiện: 5 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Động vật nuôi trong gia đình*. Từ ngày 30/12- 03/01/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số động vật sống dưới nước*. Từ ngày 06/1 – 10/1/2025
- Chủ đề nhánh: *Động vật sống trong rừng*. Từ ngày 13/1 – 17/1/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loài chim - côn trùng*. Từ ngày 20/1 – 24/1/2025
(Nghỉ tết từ ngày 28/1 đến 2/2/2025)

6/ Chủ đề Tết và mùa xuân: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Tết Nguyên Đán (1 tuần)*. Từ ngày 03/2 – 07/02 /2025
- Chủ đề nhánh: *Mùa xuân (2 tuần)* . Từ ngày 10/2– 21/02/2025

7/ Chủ đề Thế giới thực vật: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Cây xanh*. Từ ngày 24/02 – 28/02/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại hoa – Ngày vui 8/3* Từ ngày 03/03 – 07/03/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại quả*. Từ ngày 10/03 – 14/03/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại rau*. Từ ngày 17/03 – 21/03/2025

8/ Chủ đề Giao thông: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Luật lệ giao thông*. Từ ngày 24/03 – 28/03/2025
- Chủ đề nhánh: *Phương tiện giao thông đường bộ*. Từ ngày 31/03 –04/4/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số phương tiện giao thông khác*. Từ ngày 07/04- 11/04/2025

9/ Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên: Thời gian thực hiện: 2 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Nước*. Từ ngày 14/04 – 18/04/2025
- Chủ đề nhánh: *Hiện tượng tự nhiên*. Từ ngày 21/04 – 25/04/2025

10/ Chủ đề Quê hương – Đất nước – Bác Hồ: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Quê hương* . Từ ngày 28/04– 02/05/2025
- Chủ đề nhánh: *Đất nước*. Từ ngày 05/05 – 09/05/2025
- Chủ đề nhánh: *Bác Hồ kính yêu*. Từ ngày 12/5 - 16/5/2025

5.2.3. Khối Mẫu giáo 5-6 tuổi

Mỗi chủ đề lớn thực hiện từ 2 – 5 nhánh. Mỗi chủ đề nhánh thực hiện từ 1 – 2 tuần. 10 chủ đề lớn thiết kế cho 35 tuần/năm học, có thể căn cứ vào chất lượng trên trẻ để điều chỉnh tăng hoặc giảm số tuần thực hiện của từng chủ đề theo dự kiến nhưng tổng số thực hiện 10 chủ đề lớn trong năm học ít nhất là 35 tuần thực học

Tuần 1: Ổn định nề nếp

Thời gian thực hiện từ ngày: 6/9/2024

1/ Chủ đề Trường mầm non: Thời gian thực hiện 3 tuần:

- Chủ đề nhánh: *Lớp học của bé*. Từ ngày 09 – 13/9/2024.

- Chủ đề nhánh: *Tết trung thu* Từ ngày 16 – 20/9/2024
- Chủ đề nhánh: *Trường Mầm Non thân yêu* Từ ngày 23 – 27/9/2024

2/ Chủ đề bản thân: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Tôi là ai?* Từ ngày 30/09 – 04/10/2024
- Chủ đề nhánh: *Cơ thể tôi.* Từ ngày 07/10 – 11/10/2024
- Chủ đề nhánh: *Tôi cần gì lớn lên và khoẻ mạnh.* Từ ngày 14/10 – 18/10/2024

3/ Chủ đề gia đình: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Gia đình tôi.* Từ ngày 21/10 – 25/10/2024
- Chủ đề nhánh: *Gia đình sống chung 1 ngôi nhà.* Từ ngày 28/10 – 01/11/2024
- Chủ đề nhánh: *Đồ dùng gia đình* Từ ngày 04/11 – 08/11/2024
- Chủ đề nhánh: *Nhu cầu gia đình* Từ ngày 11/11 – 15/11/2024

4/ Chủ đề nghề nghiệp: Thời gian thực hiện: 5 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Ngày nhà giáo việt nam 20/11.* Từ ngày 18/11 – 22/11/2024
- Chủ đề nhánh: *Nghề sản xuất .* Từ ngày 25/11 – 29/11/2024
- Chủ đề nhánh: *Một số nghề dịch vụ.* Từ ngày 2/12 – 06/12/2024
- Chủ đề nhánh: *Một số nghề phổ biến quen thuộc.* Từ ngày 9/12 – 13/12/2024
- Chủ đề nhánh: *Ngày thành lập quân đội nhân dân.* Từ ngày 16/12 – 20/12/2024

5/ Chủ đề Động vật: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Động vật nuôi trong gia đình.* Từ ngày 23/12- 27/12/2024
- Chủ đề nhánh: *Một số động vật sống dưới nước.* Từ ngày 30/12 – 3/1/2025
- Chủ đề nhánh: *Động vật sống trong rừng .* Từ ngày 06/1 – 10/1/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loài chim - côn trùng.* Từ ngày 13/1 – 17/1/2025

6/ Chủ đề Tết và mùa xuân: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Tết Nguyên Đán (Tuần 1).* Từ ngày 20/1– 24/01 /2025
(Nghỉ tết từ ngày 28/1 đến 2/2/2025)
- Chủ đề nhánh: *Tết Nguyên Đán (Tuần 2).* Từ ngày 03/2– 07/2/2025
- Chủ đề nhánh: *Mùa xuân (2 tuần) .* Từ ngày 10/2– 21/02/2025

7/ Chủ đề Thế giới thực vật: Thời gian thực hiện: 4 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Cây xanh.* Từ ngày 24/02 – 28/02/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại hoa – Ngày vui 8/3* Từ ngày 24/02 – 28/02/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại quả.* Từ ngày 10/03 – 14/03/2025
- Chủ đề nhánh: *Một số loại rau.* Từ ngày 17/03 – 21/03/2025

8/ Chủ đề Giao thông: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: *Bé làm quen với luật lệ.* Từ ngày 24/03 – 28/03/2025

- Chủ đề nhánh: **Phương tiện giao thông đường bộ.** Từ ngày 31/03 –04/4/2025
- Chủ đề nhánh: **Một số phương tiện giao thông khác.** Từ ngày 07/04- 11/04/2025

9/ Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên: Thời gian thực hiện: 2 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Nước.** Từ ngày 14/04 – 18/04/2025
- Chủ đề nhánh: **Hiện tượng tự nhiên.** Từ ngày 21/04 – 25/04/2025

10/ Chủ đề Quê hương – Đất nước – Bác Hồ: Thời gian thực hiện: 3 tuần.

- Chủ đề nhánh: **Quê hương - Đất nước .** Từ ngày 28/04– 02/05/2025
- Chủ đề nhánh: **Bác Hồ kính yêu.** Từ ngày 05/05 – 09/05/2025
- Chủ đề nhánh: **Trường Tiểu Học.** Từ ngày 12/5 - 16/5/2025

IV. KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN

TT	Nội dung	Đối tượng/hình thức	Thời gian
1	Thông tin mức thu năm học 2024 - 2025 Thông tin về ngày Hội đến trường của bé	Bản rôn treo trước cổng trường Các nhóm Zalo phụ huynh các lớp	Tháng 8/2024
2	1. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 2. Thực đơn ở trường của bé 3. Cách phòng chống các bệnh thường gặp mùa hè. 4. Lịch hoạt động tháng của các lớp 5. Thông tin mức thu tháng 9 của từng bé đang học	Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm lớp Họp phụ huynh	Tháng 9/2024
3	1. Giáo dục trẻ bảo vệ môi trường 2. Phòng bệnh chân tay miệng 3. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 4. Thực đơn ở trường của bé 5. Lịch hoạt động tháng của các lớp 6. Thông tin mức thu tháng 10 của từng bé đang học	Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm lớp	Tháng 10/2024
4	1. Phòng bệnh đau mắt đỏ 2. An toàn của bé 3. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 4. Thực đơn ở trường của bé 5. Lịch hoạt động tháng của các lớp 6. Thông tin mức thu tháng 11 của từng bé đang học	Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm lớp	Tháng 11/2024

5	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cách phòng, chống bệnh về đường hô hấp 2. Hướng dẫn trẻ vệ sinh răng miệng 3. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 4. Thực đơn ở trường của bé 5. Lịch hoạt động tháng của các lớp 6. Thông tin mức thu tháng 12 của từng bé đang học 	<p>Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm lớp</p>	Tháng 12/2024
6	<ol style="list-style-type: none"> 1.. Xây dựng phong trào “Trường học hạnh phúc – thay đổi tích cực, chuyên nghiệp” 2. Tiêm chủng phòng bệnh 3. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 4. Thực đơn ở trường của bé 5. Lịch hoạt động tháng của các lớp 6. Thông tin mức thu tháng 01 của từng bé đang học 	<p>Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm lớp Họp phụ huynh</p>	Tháng 01/2025
7	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh truyền nhiễm - thời gian cách ly (bệnh sởi, Thủy đậu) 2. Cách phòng tránh bệnh chân- tay - miệng 3. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 4. Thực đơn ở trường của bé 5. Lịch hoạt động tháng của các lớp 6. Thông tin mức thu tháng 02 của từng bé đang học 7. Các Hội thi của bé cấp thành phố 	<p>Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm lớp</p>	Tháng 02/2025
8	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 2. Thực đơn ở trường của bé 3. Lịch hoạt động tháng của các lớp 4. Thông tin mức thu tháng 3 của từng bé đang học 	<p>Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm lớp</p>	Tháng 3/2025
9	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cách phòng tránh và chăm sóc trẻ bị sốt xuất huyết ... 2. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 3. Thực đơn ở trường của bé 4. Lịch hoạt động tháng của các lớp 5. Thông tin mức thu tháng 4 của từng bé đang học 	<p>Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm lớp</p>	Tháng 4/2025
10	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị tâm thế cho trẻ sẵn sàng vào học lớp 1 2. Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường 3. Thực đơn ở trường của bé 	<p>Dán tại bản tin các lớp Dán tại bản tin văn phòng Qua Zalo của các nhóm</p>	Tháng 5/2025

4. Lịch hoạt động tháng của các lớp	lớp	
5. Thông tin mức thu tháng 5 của từng bé đang học	Họp phụ huynh	

VI. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT MỘT NGÀY CỦA TRẺ

TT	Đối với trẻ nhà trẻ		Đối với trẻ mẫu giáo	
	Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
1	50-60 phút	Đón trẻ	80-90 phút	Đón trẻ chơi thể dục sáng
2	110-120 phút	Chơi - Tập	30-40 phút	Học
3	50-60 phút	Ăn chính	40-50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
4	140-150 phút	Ngủ	30-40 phút	Chơi ngoài trời
5	20-30 phút	Ăn phụ	60-70 phút	Ăn bữa chính
6	50-60 phút	Chơi - Tập	140-150 phút	Ngủ
7	50-60 phút	Ăn chính	20-30 phút	Ăn bữa phụ
8	50-60 phút	Chơi/ trả trẻ	70-80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
9			60-70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

VI. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CẦN ĐẠT

Đối với trẻ	Đối với giáo viên	Đối với tổ chuyên môn	Đối với nhà trường
<p>1. Về số lượng</p> <p>Mỗi lớp duy trì sĩ số tối thiểu 15 trẻ đi học và tối đa không quá số trẻ quy định cho mỗi độ tuổi</p> <p>2. Về chất lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ an toàn khi ở trường - 100% trẻ hoàn thành chương trình giáo dục của khối/lớp - Trẻ phát triển về thể chất, tinh thần, tự tin, vui vẻ, năng động 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 90% giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên - Mỗi lớp có ít nhất 04 hoạt động STEM trong 01 tháng - Mỗi giáo viên có ít nhất 02 giáo án bằng ppt trong 01 tháng của chủ đề mình phụ trách. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% CBGVNV không vi phạm đạo đức nhà giáo - 100% CBGVNV ứng dụng tốt CNTT trong công tác quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ - Mỗi giáo viên được phân công hỗ trợ tăng cường có tối thiểu 01 báo cáo/chủ đề chia sẻ chuyên môn với đồng nghiệp - Mỗi giáo viên được cử đi bồi dưỡng/tập huấn/ dự hội nghị, hội thảo phải có tối thiểu 01 lượt chia sẻ chuyên môn về chủ đề được bồi dưỡng/tập huấn/ dự hội nghị, hội thảo 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cán bộ giáo viên, nhân viên không vi phạm đạo đức nhà giáo - 100% CB, GV, NV ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ - Đơn vị: Tập thể lao tiên tiến - 100% lớp thực hiện tốt Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

VII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nhà trường triển khai các văn bản có liên quan đến việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho giáo viên: Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục đào tạo ban hành (Văn bản hợp nhất số 01)

Tăng cường vai trò chủ động, chịu trách nhiệm của các tổ trưởng chuyên môn, văn

phòng trong lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các hoạt động.

Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực, nghiệp vụ. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tăng cường công tác tham mưu, báo cáo kịp thời với các cấp lãnh đạo về công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ

Phân công nhiệm vụ cho giáo viên phù hợp với năng lực và sở trường, có ưu tiên cho giáo viên các lớp 5 tuổi và giáo viên nông cốt ở các khối.

Công khai, minh bạch tất cả hoạt động của trẻ tại trường, thực đơn hàng tuần, kế hoạch hoạt động hàng tháng, mức thu đối với từng trẻ mỗi tháng cho phụ huynh qua nhóm Zalo phụ huynh các lớp.

Lắng nghe ý kiến phản hồi của phụ huynh và không ngừng cải tiến chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt định kỳ 2 tuần/lần, đảm bảo chất lượng của buổi sinh hoạt, Hàng tháng tổ chức các buổi chuyên đề về xây dựng kế hoạch giáo dục, phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ, làm đồ dùng - đồ chơi....

Sử dụng hiệu quả nguồn thu hàng tháng, tiết kiệm và thực hiện tự chủ theo lộ trình đã được cấp trên phê duyệt.

Gắn kết chặt chẽ với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cao Lãnh, thực hiện tốt chế độ báo cáo, đánh giá theo quy định của ngành giáo dục địa phương.

VIII. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trách nhiệm đối với cán bộ quản lý	Trách nhiệm của tổ trưởng, tổ phó	Đối với giáo viên	Đối với nhân viên
Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch giáo dục Nhà trường, yêu cầu các giáo viên dựa vào đặc điểm, tình hình của lớp mình phụ trách	Căn cứ kế hoạch của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Tổ chức kiểm tra, đối soát, rà soát và đề nghị điều chỉnh kế hoạch giáo dục của các lớp cho phù hợp với tình hình thực tế của lớp (nếu có sai sót) Thực hiện chia sẻ nội bộ về chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá	Xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với tình hình thực tế của lớp mình Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thống nhất Điều chỉnh kế hoạch . Tổ chức triển khai thực Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học sau khi Tổ trưởng phê duyệt Giáo viên thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Bảo vệ an toàn về thể chất, tinh thần và tính mạng của trẻ em trong thời gian trẻ em ở nhà trường. Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non.	Nhân viên thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường;

	<p>chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường;</p> <p>Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; tham gia đánh giá, xếp loại nhân viên theo quy định.</p> <p>Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn.</p>	<p>Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em</p> <p>Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ của trẻ em; chủ động phối hợp với gia đình của trẻ em để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ em.</p> <p>Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.</p> <p>Thực hiện quy định của nhà trường và các quy định khác của pháp luật.</p> <p>Được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường; được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.</p> <p>Được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.</p>	<p>Tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên;</p> <p>Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn.</p> <p>Bảo đảm an toàn cho trẻ em trong ăn uống và sinh hoạt tại nhà trường. Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến ăn uống cho trẻ, bảo đảm không để xảy ra ngộ độc đối với trẻ em.</p> <p>Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của bản thân và nhà trường;</p> <p>Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.</p>
--	---	--	--

Trên đây là Kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục của Trường THSP Mầm non Hoa Hồng năm học 2024-2025 đề nghị Tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tổ CM, tổ VP;
- GV, NV Trường THSPMNH;H;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Quý